

Số: 13/KH-THS1MM

Mường Pồn, ngày 30 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 – 2026

I. Căn cứ để xây dựng kế hoạch.

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học;

Căn cứ công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học;

Căn cứ công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học;

Căn cứ công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp TH;

Căn cứ công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ hướng dẫn số 2616/SGDĐT- GDMNTH, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của sở giáo dục - Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường.

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025- 2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương.

Xã Mường Pồn là một xã biên giới với 27,379 km đường biên giáp nước bạn Lào. Xã được thành lập ngày 01/7/2025, toàn xã có 22 điểm bản và 1 cụm dân cư, trong đó có 7 bản vùng cao, 100% điểm bản đều thuộc chương trình 135 của Chính Phủ.

Xã có 08 dân tộc cùng sinh sống xen kẽ trên địa bàn, trong đó dân tộc H'mông chiếm 52,9%; dân tộc Khơ Mú chiếm 16,25%; dân tộc Thái chiếm 37,48%; dân tộc Kinh chiếm 1,74%; dân tộc H'Mông chiếm 43,97%

Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn quản lý địa bàn giáo dục của 6 bản trong xã, với một điểm trường chính và 4 điểm trường lẻ. Điểm trường chính được đặt ở bản Mường Mươn 2. Giao thông từ trường chính tới các điểm lẻ chủ yếu là đường dân sinh, đi lại khó khăn nhất là mùa mưa. Dân cư trong xã sống không tập trung, nghề

nghiệp chủ yếu làm ruộng, làm nương rẫy và chăn nuôi gia súc, gia cầm..., kinh tế phát triển chậm, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 52,1%. Trình độ dân trí thấp, nhận thức của nhân dân về giáo dục của một số gia đình ở bản vùng cao còn hạn chế, nhiều phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em mình. Đây là những đặc điểm của địa phương có tác động đến các hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học.

*** *Đánh giá những thuận lợi, khó khăn***

a, Thuận lợi :

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên. Sự quan tâm của Đảng ủy- HĐND-UBND-UBMTTQVN xã Mường Pồn về công tác phát triển giáo dục, sự phối kết hợp chặt chẽ của các đoàn thể trong và ngoài nhà trường, sự đồng thuận và ủng hộ của hội cha mẹ học sinh. Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập, hưởng chế độ bán trú và hỗ trợ của chương trình dự án nuôi em tảo điều kiện cho việc duy trì tỷ lệ chuyên cần góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Có đầy đủ hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp.

Nhà trường nhiều năm liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được UBND huyện, UBND tỉnh tặng bằng khen, tặng cờ thi đua xuất sắc, Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen. Thành tích đã đạt được đó là niềm tin, là nguồn cổ vũ quan trọng để đội ngũ giáo viên, cán bộ nhân viên và học sinh trong nhà trường thi đua dạy tốt, học tốt.

Trường đã duy trì đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 - Đánh giá Chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng nâng cao, năm sau cao hơn năm trước.

Trường cơ bản có đủ số lượng cán bộ, giáo viên theo biên chế, có đủ các loại hình giáo viên chuyên: Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Thể dục, Tin học; $28/29 = 96,6\%$ số giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn,

Tập thể giáo viên luôn đoàn kết, trách nhiệm, nhiệt tình, tự giác trong công tác chuyên môn và các hoạt động giáo dục khác.

Trong điều kiện công nghệ 4.0, GV có nhiều kênh để học hỏi, tăng cường kiến thức, đáp ứng và hội nhập với sự phát triển.

b, Khó khăn

Trường có 03 điểm trường vùng cao xa trung tâm, nhân dân sống không tập trung, đi lại khó khăn, phong tục tập quán và lối sống của nhân dân phần nào còn lạc hậu. Trong xã vẫn còn nhiều gia đình điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Một số cha mẹ học sinh nhận thức về công tác giáo dục còn hạn chế, chưa thật sự quan tâm đến việc học hành của con em mình, chỉ lo việc nương rẫy, phó mặc chuyện học hành của con cái cho nhà trường, việc phối hợp của phụ huynh với nhà trường, thầy cô trong công tác giáo dục học sinh còn gặp khó khăn.

Điều kiện học tập của học sinh ở 03 điểm trường vùng cao chưa đảm bảo, chưa có điện lưới quốc gia, học sinh không được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, vốn Tiếng Việt của học sinh hạn chế, ảnh

hưởng đến việc ứng dụng CNTT trong dạy học và tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục đối với lớp 1,2 theo chương trình phổ thông 2018.

Cơ sở vật chất, chỗ ăn, ở, sinh hoạt của học sinh bán trú chưa được đầu tư xây dựng kiên cố, chủ yếu là nhà tạm, chật chội nên gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường.

**Khái quát về số học sinh toàn trường :*

Tất cả học sinh đều được học 2 buổi trên ngày, các em ngoan ngoãn, chấp hành tốt nội quy của trường, của lớp, đoàn kết, lễ phép, có ý thức vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Tuy nhiên số học sinh dân tộc chiếm tỉ lệ cao (có 371/380 em chiếm 97,6%) gồm dân tộc HMông, Khơ Mú, dân tộc Thái và dân tộc Kinh, vốn tiếng Việt của các em vẫn còn hạn chế gây khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức và hoạt động nhóm. Có 03 điểm trường vùng cao không có điện lưới Quốc gia, các em không được tiếp xúc nhiều với công nghệ hiện đại nên còn rụt rè, nhút nhát, kỹ năng giao tiếp, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, tiếp thu kiến thức còn chậm, chưa thích ứng với phương pháp học hiện đại.... Số học sinh con hộ nghèo, hộ cận nghèo là 225/380 em chiếm 59,2%

Năm học 2025 -2026 trường huy động 18 lớp = 380 học sinh. Tỷ lệ HS/lớp là 21,1. Cụ thể:

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Nữ	Dân tộc	HS khuyết tật	Con hộ nghèo	HS bán trú	Ghi chú
Khối 1	5	71	31	68	2	36	0	
Khối 2	4	77	38	75	1	46	0	
Khối 3	3	84	40	84	1	40	40	
Khối 4	3	83	40	81	3	53	46	
Khối 5	3	65	34	65	0	28	30	
Cộng	18	380	183	373	7	203	116	

Tỷ lệ huy động học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt 71/72 đạt 98,6% so với kế hoạch giao.(01 HS học tại trường PTDTBT TH số 1 Na Sang)

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý nhà trường.

- Trường có tỷ lệ Đảng viên khá cao, tổng số 24/34 CBGVNV đạt 70,6%. Là một tập thể đoàn kết, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Trong công tác luôn chấp hành tốt kỷ luật lao động, qui chế chuyên môn. Năng động, sáng tạo có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương châm lấy học sinh làm trung tâm và phát huy tối đa sự sáng tạo của người học.

- Về số lượng CB-GV- NV năm học 2025-2026

- Có đủ số lượng theo quy định

- Tổng số CBGV - NV: 34 người. Trong đó:

***Ban giám hiệu**

Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ CM			Đảng	Trình độ lý luận		Ghi chú
			Đại học	Cao đẳng	Trung cấp		Trung cấp	Sơ cấp	
01	01	0	01	0	0	01	01	0	

*** Giáo viên – Phụ trách Đội**

Loại hình GV	Tổng số	Nam	Nữ	Dân tộc	Trình độ CM			Đảng	Ghi chú
					ĐH	CD	TC		
Văn hóa	21	6	15	7	20	1	0	17	02 GV trình độ lý luận Trung cấp
Thể dục	2	2		1	2			2	
Âm nhạc	1	1			1			1	
Mỹ thuật	1		1		1			1	
Tin học	1		1	1	1			1	
Ngoại ngữ	2		2	2	2			1	
Cộng	28	9	19	11	27	1		23	
PT Đội	1	1	0	1	1				
Tổng	29	10	19	11	27	1	0	23	

*** Nhân viên**

Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ CM				Ghi chú
			ĐH	CD	Trung cấp	Dưới TC	
4	2	2	2	0	1	1	

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

***Ưu điểm :**

Trường có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động dạy và học. Đủ 1 phòng học/lớp, có đủ bàn ghế đảm bảo quy cách.

Có đủ sách giáo khoa, thiết bị dạy học đảm bảo các hoạt động dạy – học, phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Có phòng Tin học được trang bị máy tính, mạng Internet phục vụ giảng dạy, học tập.

Có đủ bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

***Hạn chế :**

Cơ sở vật chất xây dựng không đồng bộ, lớp học diện tích chật nên việc tổ chức đổi mới các hoạt động dạy học hạn chế, khuôn viên sân chơi, bãi tập thiếu nên ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động tập thể chung.

Khu ăn nghỉ của học sinh bán trú chật chội, công trình vệ sinh còn thiếu chật hẹp, chưa được xây dựng kiên cố.

***Cụ thể số liệu**

A	Phòng học	Tổng số	KC	BKC	Tạm	Ghi chú
1	Lớp học	18	8	10		1 lớp ghép
B	Phòng phục vụ học tập					
1	Phòng thư viện	1		1		
2	Phòng thiết bị	1		1		
3	Phòng tin học	1		1		
C	Phòng chức năng					
1	Phòng hội đồng	1		1		
2	Phòng hiệu trưởng	1	1			
3	Phòng Phó HT	1		1		
4	Phòng Đội	1		1		
5	Phòng y tế	1			1	
D	Phòng phục vụ HSBT					
1	Nhà ở HSBT	3	0	3		
2	Nhà ăn	1	0	1	0	
3	Nhà bếp	1	0	1	1	
E	Nhà trình vệ sinh	5		1	4	

+ Thiết bị dạy học.

Khối	TS học sinh	Số bộ TB	Số SGK	Số SGV	Ghi chú
1	71	5	71	7	
2	77	4	77	6	
3	84	3	84	3	
4	83	3	83	4	
5	65	3	65	4	

+ Khái quát về điểm trường, số lớp, số HS lớp ghép

Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn có 03 điểm trường lẻ, các điểm trường cách xa nhau, giao thông đi lại khó khăn, 100% học sinh dân tộc Hmông, 3/3 điểm trường đều không có điện lưới quốc gia nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể còn gặp nhiều khó khăn. Trường có 01 lớp ghép hai trình độ 1 + 2 , tổng số học sinh 15 em.

Tên điểm trường	Số lớp	TSHS	Số học sinh					Lớp ghép
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
Trung tâm	8	219	23	16	62	66	52	
Huổi Vang	5	86	13	21	22	17	13	
Pú Múa	2	37	18	19				
Kết Tinh	2	23	11	12				

Huồi Nhả	1	15	6	9				1
Cộng	18	380	71	77	84	83	65	

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025– 2026

1. Mục tiêu chung

Năm học 2025-20256 thực hiện văn bản chỉ đạo của giáo dục bậc tiểu học, đơn vị trường Tiểu học số 1 Mường Mươn tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực

Tiếp tục thực hiện rà soát quy mô lớp học, số lớp số học sinh ở trung tâm các điểm trường lẻ, lớp ghép, đưa học sinh lớp 3,4,5 ở điểm trường lẻ về trung tâm học bán trú đáp ứng nhu cầu người học; tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có;

Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học bắt buộc theo chương trình, đặc biệt đối với các môn Tin học và môn Ngoại ngữ; môn Tăng cường tiếng Việt cho học sinh lớp 1 trước khi vào năm học mới, Tăng cường tiếng Việt cho các lớp 2,3 , đọc sách tại thư viện; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm;

Quan tâm và chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai, thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, hội cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng:

- + Huy động 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao.
- + Duy trì số lượng học sinh đến cuối năm học là 380/380 học sinh, đạt tỉ lệ 100%.

2.2. Chất lượng học sinh

* Phẩm chất:

Khối lớp	Khối 1	Khối 2
Tổng số HS	71	77
Phẩm chất	Mức đạt được	

	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	42	59,2	29	40,8	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0
2. Nhân ái	41	57,8	30	42,2	0	0,0	44	57.1	33	42.9	0	0,0
3. Chăm chỉ	42	59,2	29	40,8	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0
4. Trung thực	41	57,8	30	42,2	0	0,0	44	57.1	33	42.9	0	0,0
5. Trách nhiệm	41	57,8	30	42,2	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0

Khối lớp	Khối 3						Khối 4					
Tổng số HS	84						83					
Phẩm chất	Mức đạt được											
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	48	57.1	36	42.9	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0
2. Nhân ái	50	59.5	34	40.5	0	0,0	49	59.0	34	41.0	0	0,0
3. Chăm chỉ	49	58.3	35	41.7	0	0,0	48	57.8	35	42.2	0	0,0
4. Trung thực	48	57.1	36	42.9	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0
5. Trách nhiệm	48	57.1	36	42.9	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0

Khối lớp	Khối 5					
Tổng số HS	65					
Phẩm chất	Mức đạt được					
	Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	38	58,5	27	41,5	0	0,0
2. Nhân ái	39	60,0	26	40,0	0	0,0
3. Chăm chỉ	39	60,0	26	40,0	0	0,0
4. Trung thực	38	58,5	27	41,5	0	0,0
5. Trách nhiệm	38	58,5	27	41,5	0	0,0

*** Về Năng lực:**

Khối lớp	Khối 1						Khối 2					
Tổng số HS	71						77					
Năng lực	Mức đạt được											
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung	42	59,2	29	40,8	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0
Tự chủ và tự học	42	59,2	29	40,8	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	41	57,8	30	42,2	0	0,0	44	57.1	33	42.9	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	42	59,2	29	40,8	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0
- Năng lực đặc thù												
Ngôn ngữ	40	56,3	31	43,7	0	0,0	43	55.8	34	44.2	0	0,0
Tính toán	40	56,3	31	43,7	0	0,0	44	57.1	33	42.9	0	0,0
Khoa học	41	57,8	30	42,2	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0
Thẩm mĩ	42	59,2	29	40,8	0	0,0	45	58,4	32	41.6	0	0,0
Thể chất	42	59,2	29	40,8	0	0,0	46	59.7	31	41.3	0	0,0

Khối lớp	Khối 3						Khối 4					
Tổng số HS	84						83					
Năng lực	Mức đạt được											
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
-Năng lực chung												
Tự chủ và tự học	49	58.3	35	41.7	0	0,0	49	59.0	34	41.0	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	48	57.1	36	42.9	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	49	58.3	35	41.7	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0
- Năng lực đặc thù												
Ngôn ngữ	46	54.8	38	45.2	0	0,0	46	55.4	37	44.6	0	0,0
Tính toán	48	57.1	36	42.9	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0
Khoa học	47	56.0	37	44.0	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0
Thẩm mĩ	49	58.3	35	41.7	0	0,0	48	57.8	35	42.2	0	0,0
Thể chất	49	58.3	35	41.7	0	0,0	49	59.0	34	41.0	0	0,0
Công nghệ	47	56.0	37	44.0	0	0,0	45	54.2	38	45.8	0	0,0

Tin học	46	54.8	38	45.2	0	0,0	47	56.6	36	43.4	0	0,0
---------	----	------	----	------	---	-----	----	------	----	------	---	-----

Khối lớp	Khối 5					
Tổng số HS	65					
Năng lực	<i>Mức đạt được</i>					
	Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung						
Tự chủ và tự học	38	58,5	27	41,5	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	37	56,9	28	43,1	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	37	56,9	28	43,1	0	0,0
- Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	37	56,9	28	43,1	0	0,0
Tính toán	38	58,5	27	41,5	0	0,0
Khoa học	39	60,0	26	40,0	0	0,0
Thẩm mĩ	39	60,0	26	40,0	0	0,0
Thể chất	38	58,5	27	41,5	0	0,0

**Về quá trình học tập các môn học và các hoạt động giáo dục:*

Môn	Xếp loại	Khối lớp									
		Khối 1	%	Khối 2	%	Khối 3	%	Khối 4	%	Khối 5	%
Tổng số HS		71		77		84		83		65	
Toán	HTT	38	53,5	41	53.2	48	57.1	47	56.6	38	58,5
	HT	33	46,5	36	46.8	36	42.9	36	43.4	27	41,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Việt	HTT	39	54,9	42	54.5	45	53.6	45	54.2	37	56,9
	HT	32	45,1	35	45.5	39	46.4	38	45.8	28	43,1
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Đạo đức	HTT	40	56,3	42	54.5	47	56.0	50	60.2	38	58,5
	HT	31	43,7	35	45.5	37	44.0	33	39.8	27	41,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TNXH	HTT	40	56,3	43	55.8	47	56.0				
	HT	31	43,7	34	44.2	37	44.0				
	CHT	0	0	0	0	0	0				
Khoa	HTT							47	56.6	39	60

học	HT							36	43.4	26	40
	CHT							0	0	0	0
Lịch sử và Địa lí	HTT							47	56.6	37	56,9
	HT							36	43.4	28	43,1
	CHT							0	0	0	0
Âm nhạc	HTT	41	57,8	44	57.1	49	58.3	48	57.8	37	56,9
	HT	30	42,2	33	42.9	35	41.7	35	42.2	28	43,1
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mĩ Thuật	HTT	42	59,2	43	55.8	49	58.3	48	57.8	38	58,5
	HT	29	40,8	34	44.2	35	41.7	35	42.2	27	41,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDTC (TD)	HTT	41	57,8	43	55.8	48	57.1	49	59.0	39	60
	HT	30	42,2	34	44.2	36	42.9	34	41.0	26	40
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học	HTT					46	54.8	45	54.2	38	58,5
	HT					38	45.2	38	45.8	27	41,5
	CHT					0	0	0	0	0	0
Công nghệ	HTT					47	56.0	47	56.6	39	60
	HT					37	44.0	36	43.4	26	40
	CHT					0	0	0	0	0	0
HĐTN	HTT	40	56,3	44	57.1	46	54.8	47	56.6	38	58,5
	HT	31	43,7	33	42.9	38	45.2	36	43.4	27	41,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDĐP	HTT	42	59,2	42	54.5	46	55.4	45	54.2	38	58,5
	HT	29	40,8	35	45.5	37	44.6	38	45.8	27	41,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh	HTT					46	54.8	45	54.2	37	56,9
	HT					38	45.2	38	45.8	28	43,1
	CHT					0	0	0	0	0	0

***Đánh giá kết quả giáo dục**

Khối	TSHS được đánh giá	Hoàn thành Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		T.S	Tỷ lệ %	T.S	Tỷ lệ %	T.S	Tỷ lệ %	T.S	Tỷ lệ %
1	71	16	22,5	22	30,9	33	46,6	0	0,0
2	77	17	22,1	24	31.2	36	46.8	0	0,0
3	84	16	19.0	29	34.5	39	46.5	0	0,0
4	83	17	20,5	28	33,7	38	45,8	0	0,0
5	65	15	23,1	22	33,8	28	43,1	0	0,0
Cộng	380	81	21,3	125	32,9	174	45,8	0	0,0

*** Chỉ tiêu thi đua khen thưởng:**

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được khen thưởng		HSXS		HS tiêu biểu	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	71	38	53,5	16	22,5	22	30,9
2	77	41	53,2	17	22,1	24	31,2
3	84	46	53,6	17	20,2	29	34,5
4	83	45	54,2	17	20,5	28	33,7
5	65	37	56,9	15	23,1	22	33,8
Tổng	380	206	54,2	81	21,3	125	32,9

- Hoàn thành chương trình lớp học: 315/315 tỷ lệ 100%

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 65/65, tỷ lệ 100%.

* Số học sinh lớp 1 đạt giải giao lưu kiến thức văn hóa hai môn Toán, Tiếng Việt cấp trường: 06 em

* Số học sinh đạt giải giao lưu kiến thức văn hóa hai môn Toán, Tiếng Việt cấp trường lớp 2, 3,4,5

Lớp 2: 7 em Lớp 3: 7 em ;

Lớp 4: 8 em; Lớp 5: 7 em;

* Số học sinh đạt giải cuộc thi Olympic Tiếng Anh (IOE) lớp 3,4,5 cấp trường: 9 em; Cấp xã: 6 em

* Số học sinh đạt giải cuộc thi vioedu lớp 1,2,3,4,5 cấp trường: 42 em; Cấp xã: 21 em

*** Phong trào giữ vở sạch- viết chữ đẹp**

- Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 18/18 lớp = 100%

- Tỷ lệ học sinh viết chữ đẹp:

Khối 1 : 63/71 = 88,7 % ; Khối 2 : 64/77 = 83,1%

Khối 3 : 70/84 = 83,3 % ; Khối 4 : 71/83 = 85,5%

Khối 5 : 53/65 = 81,5%

*** Học sinh, năng khiếu (hát nhạc, mỹ thuật)**

Quan tâm bồi dưỡng học sinh năng khiếu về hát nhạc, mỹ thuật. Tổ chức cho các em tham gia các cuộc thi vẽ tranh, thi sáng tạo xanh.

Chỉ tiêu Bồi dưỡng năng khiếu môn hát nhạc, mỹ thuật số lượng HS cụ thể như sau:

+ Âm nhạc: Khối 1 : 5 em ; Khối 2: 5 em;

Khối 3 : 5 em; Khối 4: 4 em; Khối 5: 4 em

+ Mỹ thuật: Khối 1 : 5 em ; Khối 2 : 6 em;

Khối 3 : 5 em; Khối 4: 5 em ; Khối 5: 5 em

- Trong năm học phần đầu kết nạp được: 84 đội viên
- Số học sinh đạt danh hiệu Cháu ngoan Bác Hồ 310/380 em, đạt tỷ lệ 81,6%
 - * Giáo dục thể chất: thể dục, ca múa đầu giữa giờ, hoạt động tập thể sân trường; vệ sinh, trang phục học đường, trang trí lớp theo quy định; hoạt động ngoại khóa.
- 100 % học sinh nhà trường tham gia tốt phong trào thể dục thể thao, ca múa hát tập thể trên sân trường, mặc đúng trang phục khi đến trường.
- 18/18 lớp trang trí đảm bảo khoa học, thẩm mỹ
- Thành lập được một đội văn nghệ xung kích của nhà trường.

2.3. Chỉ tiêu chất lượng đội ngũ

Năm học 2025 -2026 đơn vị trường tiếp tục làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. Chỉ tiêu phần đầu về chất lượng đội ngũ cụ thể như sau:

GV dạy giỏi các cấp: $23/29 = 79,3\%$. Trong đó:

- Số giáo viên giỏi cấp tỉnh : $2/29 \text{ GV} = 10,3\%$.
- Cấp huyện: $12/29 = 41,4\%$; Cấp trường: $9/29 = 31\%$
- GV dạy khá: $4/29 = 13,8\%$
- Số GV có SKKN cấp xã $12/29 \text{ GV} = 41,4\%$

* Chất lượng hồ sơ:

- Tổ trưởng: Tốt 3/3 bộ tỷ lệ 100%)
- Giáo viên: Tốt: $27/29 \text{ bộ} = 89,6\%$; Khá: $2/29 = 10,4\%$;

2.4. Chỉ tiêu Hoạt động đội thiếu niên, sao nhi đồng

Thực hiện chủ đề năm học :

“Thiếu nhi Điện Biên vững bước tiến vào kỷ nguyên mới”

- 100% các Chi đội, Sao nhi đồng tham gia hưởng ứng thi đua gắn với chủ đề năm học 2025– 2026. Thực hiện tốt các HĐ trải nghiệm đối với lớp 1,2,3,4,5.

-100% đội viên, thiếu nhi đến với địa chỉ đỏ.

-Liên đội chia sẻ hoặc đăng tải mới mỗi tuần ít nhất 01 câu chuyện đẹp, ít nhất 01 cuốn sách hay, ít nhất 01 tấm gương sáng.

- Liên đội hỗ trợ, giúp đỡ ít nhất 15 thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn.

- Liên đội Triển khai hiệu quả phong trào *“Thiếu nhi Điện Biên thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy”*

100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia tập huấn kỹ năng và bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban chỉ huy Đội, Phụ trách Sao, đội nhóm nòng cốt.

- Liên đội tổ chức hoạt động kỷ niệm 21 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ; tưởng niệm 77 năm ngày anh hùng liệt sĩ Vừ A Dính hi sinh; 67 năm phong trào Kế hoạch nhỏ.

- Liên đội có công trình, phần việc *“Vì đàn em thân yêu”*; Công trình, phần việc mừng non chào mừng kỷ niệm 72 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954 – 07/5/2026).

- Số đội viên, nhi đồng đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ cấp trường 310/380 em, đạt tỷ lệ 81,6%

100% Chi đội tham Hội thi Giao lưu Tiếng Việt

100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia hoạt động chào mừng kỷ niệm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh.

100% Chi đội, Sao nhi đồng tham gia hoạt động rèn luyện kỹ năng sống, phòng tránh đuối nước, phòng tránh tệ nạn xã hội.....

100 % Chi đội, Sao nhi đồng thực hiện Đọc và làm theo báo Đội.

Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 77/77 em =100%

Liên đội đạt Liên đội mạnh Hội đồng Đội khen thưởng

6. Chỉ tiêu lao động hướng nghiệp (xây dựng bảo quản cơ sở vật chất trường lớp)

- 100 % học sinh có ý thức giữ gìn và bảo quản cơ sở vật chất trường lớp.

- Tu sửa sân chơi, bãi tập, chăm sóc các bồn hoa, chậu hoa, cây cảnh. Sửa chữa nhỏ các phòng học, nhà bán trú, phòng nhân viên. Sửa chữa nhà vệ sinh; thay thế quạt đã hư hỏng cho học sinh bán trú, các đồ dùng phục vụ cho học sinh bán trú; Gây quỹ Đội bằng cách thu nhặt phế liệu(giấy vụn, vỏ chai, lon bia...)

- Sắp xếp thư viện, thiết bị khoa học, gọn gàng, sạch sẽ. Giữ gìn bảo quản SGK, sách tham khảo, các loại báo, truyện, thiết bị đồ dùng dạy học tránh thất thoát hư hỏng. Xây dựng thư viện thân thiện, sân trường thân thiện, lớp học thân thiện.

- Trang trí phòng học, phòng bộ môn, phòng họp hội đồng;... theo qui định.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Việc tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được thực hiện theo công văn số /SGD-GDTH ngày /8/2025 của sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025 -2026.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông đối ban hành kèm theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Việc phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng học kỳ và năm học (*Có phụ lục 1.1*)

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh	0	0	0	0	0	0	140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34	0	0	0	0	0	0
6	Khoa học	0			0			0			70	36	34	70	36	34
7	LS & Địa lý	0			0			0			70	36	34	70	36	34
8	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tin học	0	0	0	0	0	0	35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	GD thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
13	HĐTN/HĐGD	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
14	Tăng cường T.V	35	18	17	35	18	17	35	18	17	0	0	0	0	0	0
15	Tiết đọc thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
16	GD Địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
	TC(Toán*, TV*)	13	06	7	13	06	7	13	06	7	13	06	7	13	06	7
	Tổng (1)	980	504	476	980	504	476	1085	558	527	1120	576	544	1120	576	544
2. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc (Toán *, T. Việt*)	70	36	34	70	36	34	35	18	17	0	0	0	0	0	0
2	Tiếng Anh (Toán *, T. Việt*)	70	36	34	70	36	34	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng (2)	140	72	68	140	72	68	35	18	17	0	0	0	0	0	0
TỔNG		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học. (Có phụ lục 1.2 kèm theo)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện
Tháng 9	Chủ đề 1 Trường tiểu học	Tuần 1: Chào mừng năm học mới	Sân khấu	Tiết 1, ngày 5/9	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 2: Nghe giới thiệu về các loại mặt nạ Trung thu; Đêm hội trăng rằm.	Tuyên truyền Trò chơi	Tiết 1, ngày 8/9	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 3: Giao lưu tài năng của học trò. Tuyên truyền An toàn giao thông học đường.	Sân khấu hóa tuyên truyền.	Tiết 1, ngày 15/9	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 4: Giới thiệu sản phẩm của các câu lạc bộ; một số nghề thủ công ở địa phương.	Sân khấu	Tiết 1, ngày 22/9	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 10	Chủ đề 2 Nếp sống đẹp	Tuần 5: Phát động phong trào tìm kiếm tài năng nhí. Tuyên truyền Hưởng ứng tuần lễ học tập suốt đời.	Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 29/9	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 6: Sách bút thân yêu; Hát, đọc thơ về đồ dùng học tập	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 6/10	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 7: Xem hoạt cảnh đồ dùng ở đâu. Tuyên truyền Ngày phụ nữ Việt Nam	Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 13/10	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 8: Nghe chia sẻ về chủ đề: Người tiêu dùng thông minh. Tuyên truyền kỹ năng phòng tránh đuối nước.	Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 20/10	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 11	Chủ đề 3 Mái trường	Tuần 9: Phong trào xây dựng “tủ sách lớp học”. - Phòng chống bạo lực xâm hại trẻ em.	Tuyên truyền Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 27/10	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 10: Triển lãm tranh về chủ đề “ Tình bạn” - Hưởng ứng ngày Pháp luật	Sân khấu Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 03/11	TPTĐ, GVCN, HS

11	trường em yêu	Việt Nam.			
		Tuần 11: Tham gia hoạt động chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20 -11.	Sân khấu	Tiết 1, ngày 10/11	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 12: Hưởng ứng phong trào xây dựng “ Trường học hạnh phúc”.	Tuyên truyền Trò chơi	Tiết 1, ngày 17/11	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 13: Xem tiểu phẩm về chủ đề “Tự phục vụ bản thân” - Triển khai kế hoạch HKPD cấp trường.	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 24/11	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 12	Chủ đề 4 Biết ơn	Tuần 14: Thư viện em yêu. Hướng dẫn cách thoát hiểm khi xảy ra hỏa hoạn.	Tuyên truyền Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 01/12	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 15: Chào mừng ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22-12 - Giao lưu với chú bộ đội.	Giao lưu nhân vật Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 08/12	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 16: Thăm, tặng hoa các chú bộ đội tại BCHQS huyện, Đồn Biên phòng Mường Mươn, tiểu đoàn HLCD nhân ngày 22/12.		Tiết 1, ngày 15/12	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 17: Tham gia trình diễn thời trang: Vẽ đẹp học sinh.	Sân khấu	Tiết 1, ngày 22/12	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 1	Chủ đề 5 Mùa xuân trên quê hương em (Gộp chủ đề 2 tháng)	Tuần 18. Biết ơn người thân trong gia đình. Tìm hiểu trò chơi dân gian trong Lễ hội.	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 29/ 12	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 19: Cùng người thân sắm tết. Tiểu phẩm Táo Quân		Tiết 1, ngày 05/01	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 20: Mùa xuân trên quê hương em. Chơi trò chơi dân gian.	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 12/01	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 2	Chủ đề 6 Ăn uống an toàn,	Tuần 21: Tham dự phát động phong trào “Vì tầm vóc Việt”.	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 19/01	TPTĐ, GVCN, HS

	hợp vệ sinh	Tuần 22: Ăn uống lành mạnh. Phòng tránh các dịch bệnh thông thường.	Sân khấu hóa Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 26/01	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 23: Tham gia hưởng ứng phong trào giờ trái đất.	Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 2/02	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 24: Xem tiểu phẩm về chủ đề “ Phòng chống bắt cóc trẻ em” - Nghe thầy cô hướng dẫn cách phòng tránh bị bắt cóc.	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 9/2	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 25: Tham gia văn nghệ Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 – 3.	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 23/2	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 3	Chủ đề 7 Hoạt động vì cộng đồng	Tuần 26: Tham dự phát động phong trào “Học nhân ái, biết sẻ chia”	Sân khấu hóa	Tiết 1, ngày 2/3	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 27: Câu chuyện về lòng nhân ái. - Hưởng ứng ngày thành lập Đoàn 26/3.	Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 9/3	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 28: Cảnh quan thiên nhiên địa phương em. - Tìm hiểu về cách phòng tránh bão. Phòng tránh ngộ độc và các tai nạn khác.	Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 16/3	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 29: Tham dự phát động phong trào “Chung tay bảo vệ cảnh quan quê hương”	Sân khấu	Tiết 1, ngày 23/3	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 4	Chủ đề 8: Tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp.	Tuần 30: Phóng viên môi trường nhí.	Sân khấu	Tiết 1, ngày 30/3	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 31: Tổ chức Ngày hội đọc sách	Tuyên truyền	Tiết 1, ngày 6/4	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 32: Thế giới nghề nghiệp quanh em. Hát mừng ngày giải phóng Miền Nam 30/4 Phòng, chống ô nhiễm môi	Sân khấu	Tiết 1, ngày 13/4	TPTĐ, GVCN, HS

		trường.			
		Tuần 33: Tham dự hoạt động chào mừng ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.	Sân khấu	Tiết 1, ngày 20/4	TPTĐ, GVCN, HS
Tháng 5	Chủ đề 9 Bác Hồ kính yêu	Tuần 34: Tham gia hoạt động kỉ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ. Nghe kể chuyện về những công việc Bác Hồ đã trải qua trong thời gian đi tìm đường cứu nước.	Sân khấu	Tiết 1, ngày 4/5	TPTĐ, GVCN, HS
		Tuần 35: Lễ tổng kết năm học.	Sân khấu	Tiết 1, ngày 11/5	TPTĐ, GVCN, HS

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (Phụ lục 1.3 kèm theo)

Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày: Tổ chức hoạt động giáo dục rèn kỹ năng sống cho học sinh : Thời gian từ 16h30 đến 17 giờ.

Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú. Tổ chức cho học sinh thực hiện các nội quy nề nếp khi ở bán trú, an toàn, vệ sinh, rèn nề nếp ăn uống, ngủ nghỉ, học tập, sinh hoạt và nề nếp tự quản tại khu nội trú

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm
1	Luyện tập sức khỏe	Tập thể dục	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 5 giờ 30 phút đến 5 giờ 45 phút	Sân trường
2	Rèn luyện kỹ năng sống (cách giữ VS cá nhân)	Vệ sinh cá nhân + phòng ở	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 5 giờ 45 phút đến 6 giờ 15 phút	Khu nội trú
3	Giáo dục kỹ năng sống (An toàn thực phẩm)	Ăn sáng	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 6 giờ 15 phút đến 6 giờ 30 phút	Nhà ăn
4	GD kỹ năng phòng chống TNTT...	HĐTN	Học sinh bán trú / Tập trung	Thứ 2+4 Từ 16 giờ 30 đến 17 giờ 15 phút	Sân trường
5	Giáo dục kỹ năng sống (An toàn thực phẩm)	Ăn trưa	Học sinh bán trú / Tập trung	Từ 10 giờ 30 phút đến 10 giờ 45 phút các ngày trong tuần	Nhà ăn

6	Giáo dục kỹ năng sống (Nghỉ ngơi)	Ngủ trưa	Học sinh bán trú / Theo phòng	Các ngày trong tuần Từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút	Phòng ở nội trú
7	Luyện tập sức khỏe	Chơi trò chơi + thể thao theo ý thích	Học sinh/ Tập trung	Thứ 3 + 5 Từ 16 giờ 30 phút đến 17 giờ 15 phút	Sân trường
8	Giáo dục kỹ năng sống (Giữ VS cá nhân)	Tắm + Giặt	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 17 giờ 15 phút đến 18 giờ	Khu nội trú, nhà tắm
9	Giáo dục kỹ năng sống (An toàn thực phẩm)	Ăn tối	Học sinh bán trú / Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 18 giờ 45 phút	Nhà ăn
10	Tăng cường TV	Xem ti vi	Học sinh bán trú/ Tập trung	Các ngày trong tuần Từ 18 giờ 45 phút đến 19 giờ 30 phút	Nhà ăn
11	Giáo dục kỹ năng sống (Kỹ năng tự học)	Học	Học sinh bán trú/ Nhóm lớp	Các ngày trong tuần Từ 19 giờ 30 phút đến 21 giờ 00 phút	Trên lớp
12	Nghỉ ngơi	Ngủ tối	Học sinh bán trú/ Theo phòng	Các ngày trong tuần Từ 21 giờ	Phòng ở nội trú

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Nhà trường có 04 điểm trường lẻ có 10 lớp với 161 học sinh. 100% học sinh tại 04 điểm trường được tham gia học 2 buổi/ngày; thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 1,2,3,4,5 ban hành kèm theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo nội dung KHGD nhà trường đã xây dựng tại phụ lục 1.1.

Việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, hoạt động tập thể được phân công cho một giáo viên phụ trách, các giáo viên trong điểm trường phối kết hợp thực hiện.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

Thực hiện Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên Quyết định ban hành thời gian năm học 2025 -2026 đối với Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Ngày tựu trường: Lớp 1: Ngày 22/8/2025; Lớp 2,,3,4,5: ngày 29/8/2025

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I: Từ ngày 08/9/2025 kết thúc ngày 18/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 19/1/2026, hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 31/5/2026(gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày kết thúc năm học: Trước 31 /5/2026

Căn cứ vào văn bản số 1315/BGDĐT- GDTH ngày 16-4-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học; Văn bản số /SGDĐT-CMTH ngày /8/2025 của sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025- 2026; Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có nhà trường xây dựng có kế hoạch học bù để đảm bảo hoàn thành nội dung chương trình và biên chế thời gian năm học

Tại trường Tiểu học số 1 Mường Mươn thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 -2026 như sau:

****Chương trình***

Thực hiện chương trình toàn cấp học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thực hiện dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng tài liệu đã được Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt: Thông tư số 23/TT- BGDĐT ngày 11/12/2023 Quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1; QĐ số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; QĐ số 631/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3;

Nhà trường tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học cho 100% học sinh lớp 3,4,5 theo chương trình GDPT 2018; Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

Đối với học sinh lớp 3,4,5: Thực hiện môn Tin học và Công nghệ (2 tiết/tuần: 01 tiết Tin học, 01 tiết công nghệ) theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của BGD&ĐT.

Thực hiện giáo dục STEM tại công văn số 652/SGDĐT- GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học. Hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ websi: <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT; tăng cường mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ năm học.

Triển khai Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 đến các trường có học sinh tiểu học trên địa bàn. Chỉ đạo 100% số trường tiểu học tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục.

Thực hiện dạy lồng ghép các nội dung: An ninh quốc phòng, GD lí tưởng cách mạng, quyền con người, phòng chống tham nhũng, An toàn giao thông, định hướng nghề nghiệp, phòng cháy chữa cháy, công dân số, năng lực số, ứng dụng công nghệ AI... vào các môn học và hoạt động giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy Tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng

vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức tiết đọc sách tại thư viện, nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện xanh, thư viện góc lớp, duy trì hiệu quả hoạt động giao lưu tiếng Việt.

Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023.

Thời gian: Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học : Từ 08/9 /2025 đến 31/5/2026

*Lớp 1 gồm 35 tuần thực học x 32 tiết/tuần = 1.120 tiết /năm học

Học kỳ 1 : 18 tuần x 32 tiết = 576 tiết; Học kỳ 2: 17 tuần x 32 tiết = 544tiết

Môn học bắt buộc: 7 môn học bắt buộc (Tiếng Việt, Toán, TNXH, Đạo đức, Nghệ thuật (Âm nhạc, mỹ thuật), Giáo dục thể chất, Giáo dục địa phương;

Hoạt động giáo dục bắt buộc : Hoạt động trải nghiệm

Môn học bổ trợ cho môn T. Việt: Tăng cường tiếng Việt, Đọc sách tại thư viện.

Môn học Tự chọn : Tiếng Việt*, Toán*

*Lớp 2 gồm 35 tuần thực học x 32 tiết/tuần = 1120 tiết /năm học

Học kỳ 1 : 18 tuần x 32 tiết = 576 tiết; Học kỳ 2: 17 tuần x 32 tiết = 544 tiết

Môn học bắt buộc: 7 môn học bắt buộc (Tiếng Việt, Toán, TNXH, Đạo đức, Nghệ thuật (Âm nhạc, mỹ thuật), Giáo dục thể chất, Giáo dục địa phương;

Hoạt động giáo dục bắt buộc : Hoạt động trải nghiệm

Môn học bổ trợ cho môn T. Việt: Tăng cường tiếng Việt, Đọc sách tại thư viện.

Môn học Tự chọn :Tiếng Việt* Toán*

*Lớp 3 gồm 35 tuần thực học x 32 tiết/tuần = 1120 tiết/năm học

Học kỳ 1 : 18 tuần x 32 tiết = 576 tiết; Học kỳ 2: 17 tuần x 32 tiết = 544 tiết

Môn học bắt buộc: 9 môn học bắt buộc (Tiếng Việt, Toán, TNXH, Đạo đức, Nghệ thuật (Âm nhạc, mỹ thuật), Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ, Tin học, Công nghệ; Giáo dục địa phương;)

Hoạt động giáo dục bắt buộc : Hoạt động trải nghiệm

Môn học bổ trợ cho môn T. Việt: Tăng cường tiếng Việt, Đọc sách tại thư viện.

Môn học Tự chọn :Tiếng Việt* Toán*

*Lớp 4, 5: gồm 35 tuần thực học x 32 tiết = 1120 tiết/năm học

Học kỳ 1 : 18 tuần x 32 tiết = 576 tiết; Học kỳ 2: 17 tuần x 32 tiết = 544 tiết

Môn học bắt buộc: 10 môn học bắt buộc (Tiếng Việt, Toán; Khoa học; Lịch sử & Địa lí ; Đạo đức; Nghệ thuật (Âm nhạc, mỹ thuật); Giáo dục thể chất; Ngoại ngữ, Tin học; Công nghệ; Giáo dục địa phương;)

Hoạt động giáo dục bắt buộc : Hoạt động trải nghiệm

Môn học bổ trợ cho môn T. Việt: Đọc sách tại thư viện

(Có phụ lục 1.4 kèm theo)

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 1**

TUẦN									
Thời gian		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Toán	Tiếng Việt	Âm nhạc	GDTC			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng.¹ - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.² ...
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán			
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TNXH	Tiếng Việt	TNXH			
	4	Mĩ Thuật	Tiếng Việt	TV*	Tiếng Việt	HĐTN			
	5					GDTC			
Chiều	1	Đạo đức	Tiếng Việt	TV*	Toán*				
	2	ĐTV	TCTV	Toán*	Toán				
	3	HĐTN	GDĐP	Tiếng Việt	GDTC				
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú			
1	Tiếng Việt			12 tiết					
2	Toán			3 tiết					
3	Đạo đức			1 tiết					
4	Tự nhiên - xã hội			2 tiết					

5	Âm nhạc	1 tiết	
6	Mĩ thuật	1 tiết	
7	Thể dục	2 tiết	
8	Hoạt động trải nghiệm	3 tiết	
9	Toán *	2 tiết	
10	Tiếng Việt*	2 tiết	
11	Giáo dục Địa phương	1tiết	
12	Tăng cường tiếng Việt	1tiết	
12	Đọc sách tại thư viện	1 tiết	
13	Hoạt động theo nhu cầu người học	0 tiết	
14	Sinh hoạt chuyên môn	3 tiết	Sinh hoạt 2 buổi/ tháng: 6 tiết
15	Các ngày nghỉ trong năm	Nghỉ lễ 2/9; Tết nguyên đán; ; Giỗ tổ Hùng Vương; 30/4;1/5..	
16	Tổng số tiết học kỳ I	576 tiết	

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2025- 2026 đối với khối lớp 2

TUẦN										
THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần	
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật		
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Toán			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng.³ - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.⁴ ...	
	2	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	GDTC				
	3	Mĩ thuật	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán*	Tiếng Việt				
	4	Đạo đức	ĐTV	Tiếng Việt	TCTV	HĐTN				
	5									
Chiều	1	Tiếng Việt	Tiếng Việt*	TNXH	Tiếng Việt*					
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TNXH	GDTC					
	3	Âm nhạc	HĐTN	Toán*	GDĐP					
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần								
TỔNG HỢP										
TT	Nội dung			Số lượng tiết học			Chi chú			
1	Tiếng Việt			10 tiết						
2	Toán			5 tiết						
3	Đạo đức			1 tiết						
4	Tự nhiên - xã hội			2 tiết						
5	Âm nhạc			1 tiết						

6	Mĩ thuật	1 tiết	
7	Thể dục	2 tiết	
8	Hoạt động trải nghiệm	3 tiết	
9	Toán *	2 tiết	
10	Tiếng Việt*	2 tiết	
11	Tăng cường tiếng Việt	1 tiết	
12	Đọc sách tại thư viện	1 tiết	
13	Giáo dục địa phương	1 tiết	
14	Hoạt động theo nhu cầu người học	0 tiết	
15	Sinh hoạt chuyên môn	3 tiết	Sinh hoạt 2 buổi/ tháng: 6 tiết
16	Các ngày nghỉ trong năm	Nghỉ lễ 2/9; Tết nguyên đán; ; Giỗ tổ Hùng Vương; 30/4;1/5..	
17	Tổng số tiết học kỳ I	576 tiết	
18	Tổng số tiết học kỳ II	544 tiết	

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 3**

THỜI GIAN		Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Toán	Tiếng Anh	Toán	Toán			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng. - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp. ...
	2	Toán	TCTV	Tiếng Anh	GDDP	Tiếng Việt			
	3	Đạo đức	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Mĩ thuật			
	4	Âm nhạc	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	HĐTN			
	5								
Chiều	1	TN&XH	Tiếng Việt	Toán	TN&XH				
	2	Công nghệ	Tiếng Việt	Tin học	ĐTV				
	3	GDTC	T.Việt*	HĐTN	GDTC				
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú			
1	Tiếng Việt			7 tiết					
2	Toán			5 tiết					
3	Đạo đức			1 tiết					
4	Tự nhiên - xã hội			2 tiết					
5	Âm nhạc			1 tiết					
6	Mĩ thuật			1 tiết					
7	Thể dục			2 tiết					

8	Tin học & Công nghệ	2 tiết	
9	Tiếng Anh	4 tiết	
10	Hoạt động giáo dục	2 tiết	
11	Toán *	0 tiết	
12	Tiếng Việt*	1 tiết	
13	Tăng cường Tiếng Việt	1 tiết	
14	Đọc sách tại thư viện	1 tiết	
15	Giáo dục địa phương	1 tiết	
16	Hoạt động theo nhu cầu người học	0 tiết	
17	Sinh hoạt chuyên môn	3 tiết	Sinh hoạt 2 buổi/ tháng: 6 tiết
18	Các ngày nghỉ trong năm	Nghỉ lễ 2/9; Tết nguyên đán; ; Giỗ tổ Hùng Vương; 30/4;1/5..	
19	Tổng số tiết học kỳ I	576 tiết	
20	Tổng số tiết học kỳ II	544 tiết	

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 4**

TUẦN									Điều chỉnh kế hoạch Tuần
THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng		
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Tiếng Việt	Toán	Tin	Toán			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng.⁵ - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.⁶ ...
	2	GCTC	Tiếng Việt	Khoa học	Khoa học	Công nghệ			
	3	Toán	Mĩ thuật	LS-ĐL	GDTC	T.Anh			
	4	T.Anh	Toán	T.Anh	Toán	HĐTN			
	5								
Chiều	1	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Âm nhạc				
	2	HĐTN	GDDP	Tiếng Việt	Đạo đức				
	3	Tiếng Việt	T.Anh	LS-ĐL	ĐTV				
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú			
1	Tiếng Việt			7 tiết					
2	Toán			5 tiết					
3	Đạo đức			1 tiết					
4	Khoa học			2 tiết					
5	Lịch sử và Địa lí			2 tiết					

6	Âm nhạc	1 tiết	
7	Mĩ thuật	1 tiết	
8	Thể dục	2 tiết	
9	Tin học	1 tiết	
10	Công nghệ	1 tiết	
11	Tiếng Anh	4 tiết	
12	Hoạt động trải nghiệm	3 tiết	
13	Toán *	0 tiết	
14	Tiếng Việt*	0 tiết	
15	Đọc sách tại thư viện	1 tiết	
16	Giáo dục địa phương	1 tiết	
17	Hoạt động theo nhu cầu người học	0 tiết	
18	Sinh hoạt chuyên môn	3 tiết	Sinh hoạt 2 buổi/ tháng: 6 tiết
19	Các ngày nghỉ trong năm	Nghỉ lễ 2/9; Tết nguyên đán; ; Giỗ tổ Hùng Vương; 30/4;1/5..	
20	Tổng số tiết học kỳ I	576 tiết	
21	Tổng số tiết học kỳ II	544 tiết	

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2025- 2026 đối với khối lớp 5**

TUẦN									Điều chỉnh kế hoạch Tuần
THỜI GIAN		Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g	Ngày/thán g		
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Tiếng Anh	GDTC	Tiếng Việt	Tiếng Việt			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng. ⁷ - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp. ...
	2	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Khoa học	Lịch sử & Địa lí	Tiếng Việt			
	3	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Âm nhạc	Toán			
	4	Lịch sử & Địa lí	Tin học	Tiếng Việt	Toán	GDDP			
	5					HĐTN			
Chiều	1	Công nghệ	Mĩ thuật	Toán	Khoa học				
	2	Toán	Tiếng Anh	HĐTN	GDTC				
	3		Toán	Đọc TV	Đạo đức				
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú			
1	Tiếng Việt			7 tiết					
2	Toán			5 tiết					
3	Đạo đức			1 tiết					
4	Khoa học			2 tiết					
5	Lịch sử và Địa lí			2 tiết					
6	Âm nhạc			1 tiết					

7	Mĩ thuật	1 tiết	
8	Thể dục	2 tiết	
9	Tin học	1 tiết	
10	Công nghệ	1 tiết	
11	Tiếng Anh	4 tiết	
12	Hoạt động trải nghiệm	3 tiết	
13	Toán *	0 tiết	
14	Tiếng Việt*	0 tiết	
15	Đọc sách tại thư viện	1 tiết	
16	Giáo dục địa phương	1 tiết	
17	Hoạt động theo nhu cầu người học	0 tiết	
18	Sinh hoạt chuyên môn	3 tiết	Sinh hoạt 2 buổi/ tháng: 6 tiết
19	Các ngày nghỉ trong năm	Nghỉ lễ 2/9; Tết nguyên đán; ; Giỗ tổ Hùng Vương; 30/4;1/5..	
20	Tổng số tiết học kỳ I	576 tiết	
21	Tổng số tiết học kỳ II	544 tiết	

Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục các khối lớp được tổ chuyên môn xây dựng cụ thể, Hiệu trưởng ký duyệt, chỉ đạo để thực hiện

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

Huy động mọi nguồn lực từ các tổ chức xã hội và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng mới, tu sửa kịp thời số phòng học hiện có đảm bảo có đủ 01 phòng học/lớp; chuẩn bị đủ các điều kiện cho triển khai đồng bộ Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Bảo quản, sử dụng tốt số lượng bàn ghế hiện có.

Tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng mới các phòng chức năng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, Xây dựng, cải tạo công trình vệ sinh và nước sinh hoạt kiên cố điểm trung tâm và các điểm trường lẻ.

Chủ động tăng cường khai thác các nguồn lực nhằm tăng cường thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học cho các cơ sở giáo dục. Tiếp tục xây dựng các sân chơi vận động ngoài trời, trong đó có các loại đồ chơi, thiết bị vận động phù hợp với độ tuổi học sinh theo từng điểm trường. Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh.

Tiếp tục phát triển kho video bài dạy minh họa của đội ngũ giáo viên giỏi để giúp các giáo viên tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình GDPT 2018

Bảo quản, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học lớp 1,2,3,4,5 hiện có theo quy định tại thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05-4-2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030" phù hợp với điều kiện đơn vị.

Tiếp tục sử dụng hệ thống "Trường học kết nối", khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ....

Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

Tiếp tục thực hiện sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chỉ thị số 04/CTTTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030

2. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, ...)

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV. Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

Tạo điều kiện cho GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ chuyên môn quy định tại Luật giáo dục 2019 theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực sư phạm và năng lực kiến thức cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các đơn vị trường trong huyện;

Xây dựng kế hoạch thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo Nghiên cứu bài học. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo công văn 1315/BGDĐT -GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018...

Chú trọng bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên về nội dung, quan điểm đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo cấp học nói chung, công tác chỉ đạo và quản lý việc dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng nói riêng. Đặc biệt quan tâm đến công tác tự bồi dưỡng nâng cao năng lực theo Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý chỉ đạo và trong đổi mới phương pháp dạy học; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức tin học, cung cấp kiến thức về mạng Internet và khai thác thông tin trên mạng phục vụ quản lý giảng dạy, bồi dưỡng online.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

BGH nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên thông qua việc tổ chức sinh hoạt các chuyên đề cấp tổ, cấp trường. Thường xuyên dự giờ thăm lớp, tư vấn giúp đỡ giáo viên về đổi mới phương pháp lập kế hoạch bài dạy theo công văn 2345/ BGD – ĐT ngày 07/6/2021; Tiếp tục bồi dưỡng phương pháp dạy học lớp 1, 2,3,4,5 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, Dạy học phương pháp STEM các môn học thuộc lĩnh vực Khoa học, Kỹ thuật, Toán học... phương pháp dạy Tập làm văn mở..

Bồi dưỡng phương pháp dạy học lớp ghép trình độ 1+2 ở điểm trường Huổi Nhả,

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn hàng tháng theo công văn 1315/ BGD ĐT ngày 16/4/2020 về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch SHCM của Phòng GDĐT huyện.

Làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo trên chuẩn, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên đề theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học, chuẩn Hiệu trưởng.

Tích hợp nhẹ nhàng và hợp lý các nội dung về Tiếng việt giáo dục môi trường, **"Trường học an toàn"**, **"An ninh quốc phòng"**, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Các tổ khối có kế hoạch năm, tháng tuần, ngày cụ thể, biên bản sinh hoạt tổ theo quy định, sinh hoạt CM đi sâu vào nghiên cứu bài học có hiệu quả.

Tổ chức cho giáo viên học truy cập Internet(hành trang số) để khai thác các phần mềm dạy học, ngữ liệu, video, tranh ảnh điện tử phục vụ hoạt động dạy học hiệu quả

+ Công tác bồi dưỡng giáo viên

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn **2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút**

Tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường, nội dung tập trung vào nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, chương trình môn học, phương pháp dạy học các môn học, ứng dụng công nghệ thông tin....Phương pháp dạy học STEM...

Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học (lấy học sinh làm trung tâm), thông qua nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên

Đối với cán bộ quản lý: Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch 2184/KH- SGDDT, ngày 29/7/2025 của sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên; Bồi dưỡng chương trình nội dung 3 theo quy định tại Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với giáo viên: thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng

4.1. Giáo dục năng lực

a. Các năng lực chung cần giáo dục và rèn luyện cho học sinh :

- + Năng lực Tự chủ và tự lực
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

a. Các năng lực đặc thù cần giáo dục rèn luyện cho học sinh.

- + Năng lực ngôn ngữ : Tiếng Việt và ngoại ngữ (Đọc, nghe, nói, viết)
- + Năng lực toán học : Kiến thức, thao tác tư duy, sử dụng công cụ.
- + Năng lực thẩm mỹ :Giúp HS biết nhận biết, phân tích, đánh giá, tái tạo, sáng tạo.
- + Năng lực thể chất : HS có kiến thức, kỹ năng, tố chất đánh giá.

4.2 Các phẩm chất cần hình thành và phát triển cho học sinh:

* *Yêu nước* : Giáo dục và rèn luyện cho học sinh biết yêu thiên nhiên, di sản, yêu con người; tự hào về thiên nhiên, di sản, con người

* *Nhân ái* : Giáo dục và rèn luyện cho học sinh yêu con người, yêu cái đẹp, yêu cái thiện. Tôn trọng sự khác biệt giữa con người, nền văn hóa . Sẵn sàng học hỏi, hòa nhập và giúp đỡ mọi người. Biết cảm thông, độ lượng, ghét cái xấu, cái ác.

* *Chăm chỉ* : Chăm học, ham học, có tinh thần tự học. chăm làm, nhiệt tình tham gia các công việc của tập thể. Vượt khó trong công việc

* *Trung thực* : Giáo dục và rèn luyện cho học sinh biết tôn trọng lẽ phải, lên án sự gian lận, thật thà ngay thẳng trong học tập và làm việc.

* *Trách nhiệm* : Giáo dục và rèn luyện học sinh có ý thức bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường. Không đổ lỗi cho người khác.

- Chất lượng học 2 buổi/ngày.

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch dạy học theo hướng dẫn của sở GD & ĐT tỉnh Điện Biên về dạy học 2 buổi/ngày.

Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Quan tâm đặc biệt đến 2 tuần đầu năm học đối với học sinh lớp 1 (dạy nền nếp học tập, sử dụng kí hiệu trong quá trình dạy học, hướng dẫn học sinh cách sử dụng bút, thước, bảng con, sách, vở, tư thế ngồi viết...), thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm) viết chính tả cho học sinh lớp 1,2,3.

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

Dạy học lồng ghép nội dung giáo dục "**Quốc phòng và An ninh**" vào các môn học theo thông tư số 08 /2024/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2024 thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trung học cơ sở .

Dạy 22 tiết chính khóa/năm học/lớp chương trình Giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5

Tổ chức ngày hội đọc, thi kể chuyện, giao lưu “Tiếng Việt của chúng em” tại lớp, giữa các lớp cùng khối, trong trường và cụm trường thường xuyên, định kỳ đảm bảo đơn giản, gọn nhẹ và hiệu quả với các chủ đề về mái trường, thầy cô; chăm ngoan học giỏi, uống nước nhớ nguồn.....

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại học sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

-Tổ chức tốt hoạt động sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể

Tuyên truyền công tác y tế học đường, thể dục, vệ sinh, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, giáo dục kỹ năng sống, phòng chống cháy nổ, phòng chống tác hại của thuốc lá, phòng chống dịch bệnh, an toàn giao thông.....

Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế. Vận động cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ tích cực về việc cho con em mình đi học đầy đủ, chuyên cần, để nhà trường tổ chức cho học sinh lớp 1,2 ăn trưa theo chương trình hỗ trợ "Nuôi em" (03 điểm trường). Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú.

Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

5. Giải pháp thực hiện công tác Đội thiếu niên, sao nhi đồng

Chỉ đạo, hướng dẫn các Chi đội, Sao nhi đồng tổ chức triển khai thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026.

Phối hợp với các ban, ngành liên quan tham mưu cho Chi bộ, Ban Giám hiệu nhà trường các vấn đề liên quan đến công tác chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình hoạt động của Đội, gắn đôi mới nâng cao chất lượng hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi. Khen thưởng các tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai tổ chức thực hiện chương trình công tác năm học 2025– 2026.

*** Đối với các Chi đội, Sao nhi đồng:**

Căn cứ chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2025– 2026 của Liên đội, giáo viên chủ nhiệm các lớp phối kết hợp chặt chẽ với tổng phụ trách Đội chủ động hướng dẫn các chi đội trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động trong năm học của lớp một cách cụ thể, thiết thực, phù hợp với tình hình, đặc điểm của Chi đội.

Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, giúp đỡ các em đội viên nhi đồng trong mọi hoạt động, đặc biệt quan tâm đến những em có hoàn cảnh khó khăn.

Thực hiện nghiêm túc các kế hoạch mà Liên đội đề ra.

*** Thực hiện tốt HĐ Tập thể**

Tăng cường thực hiện tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo hướng dẫn tại Văn bản số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh cho học sinh.

Tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày cho học sinh tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học, tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông khu vực trường học. Thực hiện dạy học tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, văn hóa giao thông vào các môn học và hoạt động giáo dục.

6. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm và hoạt động giáo dục tập thể, Giáo dục kỹ năng sống. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước, năng lực số, công dân số...

Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ...

Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”,...

7. Tổ chức dạy học học sinh bán trú

Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-

BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức cho học sinh ăn trưa tại trường do Dự án Nuôi em tài trợ; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú. Đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

8. Nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện dạy lớp ghép

- Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện lớp ghép

Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học (Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2)

Căn cứ vào đối tượng học sinh(học sinh dân tộc), đặc điểm lớp học(lớp ghép) để xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục.

Thực hiện dạy học bằng nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học linh hoạt, tăng cường luyện nói, viết, đọc tiếng Việt cho học.

Tăng cường dạy học tiếng Việt cho học sinh; Tổ chức tốt các tiết đọc sách tại thư viện để bồi dưỡng và phát triển năng lực ngôn ngữ, vốn tiếng Việt cho hs.

Tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, học tập, hoạt động trải nghiệm để tăng cường tiếng Việt cho học sinh.

Thực hiện tốt công tác ôn tập bổ sung kiến thức cho hs để nâng cao chất lượng dạy và học.

Thực hiện linh hoạt các hoạt động dạy học lớp ghép. Phát huy tối đa năng lực hoạt động, vai trò của nhóm trưởng trong điều hành, thực hiện học tập của lớp ghép.

9. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

Tổ chức dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh lớp 1, thực hiện dạy tăng cường tiếng Việt cho các em trước khi vào học chương trình mới theo TT23/2023 của BGD&ĐT. Tích cực tổ chức các trò chơi, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục tập thể để học sinh được tham gia, vui chơi, trải nghiệm phát huy khả năng giao tiếp, sử dụng tiếng Việt cho học sinh.

Thực hiện dạy học tăng cường tiếng Việt chính khóa cho học sinh lớp 1, 2,3 Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 (dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2); Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 (dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3);

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy "Tập làm văn" theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, giao lưu tiếng Việt.

Tổ chức tốt tiết đọc sách tại thư viện cho học sinh các khối lớp bằng nhiều hình thức: Đọc to nghe chung; Đọc cá nhân; Đọc cặp đôi; Cùng đọc;...để tăng cường tiếng Việt và năng lực sử dụng ngôn ngữ, tích lũy vốn từ,... cho học sinh.

10. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

Giáo viên các khối lớp thực hiện tốt việc khảo sát, phân loại năng lực học sinh đầu năm. Xây dựng nội dung ôn tập bổ sung kiến thức cho học sinh.

Thực hiện dạy học ôn tập bổ sung kiến thức theo hình thức phân hóa đối tượng qua các tiết học chính khóa và tiết củng cố, tăng cường.

Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng HS khó khăn trong học tập,

11. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong công tác dạy học và quản lý

Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030" phù hợp với điều kiện của nhà trường. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyên đổi số cho giáo viên; Tập huấn cho giáo viên phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị sẵn các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra không thể tổ chức dạy học trực tiếp được.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn trường trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống MLS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, sao nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác thông kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu.cSDL.moet.gov.vn. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

12. Nâng cao chất lượng phổ cập Giáo dục Tiểu học và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

12.1. Nâng cao chất lượng phổ cập Giáo dục Tiểu học.

Thực hiện nghiêm túc công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ theo văn bản chỉ đạo của các cấp. Tiếp tục duy trì, giữ vững và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, XMC mức độ 2.

Hoàn thiện bộ hồ sơ tự kiểm tra kết quả phổ cập GDTH cấp xã trước ngày 30/9/2025; Báo cáo kết quả phổ cập Giáo dục – xóa mù chữ cấp xã gửi sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 10/11/2025.

Thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm, các hoạt động của ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật Giáo dục 2019.

Mở 01 lớp xóa mù chữ giai đoạn 2 tại điểm trường trung tâm với 20 học viên.

12.2. Đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng trong báo cáo tự đánh giá.

Tự kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường TH đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TTBGDDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm duy trì trường TH đạt chuẩn quốc gia.

13. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và Đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Quốc hội, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo dưới nhiều hình thức, đa dạng, hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của Ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

Tăng cường truyền thông về các hoạt động nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của nhà trường, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

14. Các hoạt động khác

Tổ chức tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường và khai giảng năm học mới vào ngày 05/9/2025. Thực hiện nghiêm túc việc Chào cờ và học sinh hát Quốc ca vào thứ 2 hàng tuần theo quy định tại văn bản số 1525/BGDĐT-CTHSSV ngày 29/3/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Tăng cường lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giá trị sống

cho học sinh; đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức tốt hoạt động tư vấn tâm lý trong trường Tiểu học theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, giáo dục Nhi đồng với công tác giáo dục đạo đức, lối sống của nhà trường.

Khuyến khích tổ chức các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh Tiểu học như "Giao lưu tiếng Việt, kể chuyện theo sách,...".

Tiếp tục xây dựng và tổ chức sân trường tiểu học thân thiện, an toàn trong đó có các loại đồ chơi, thiết bị vận động phù hợp với học sinh tiểu học. Thực hiện tốt trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích theo quy định tại Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT ngày 22/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chú trọng các hoạt động thể dục thể thao theo các môn thi đấu tại Hội khỏe Phù Đổng các cấp. Đảm bảo về điều kiện sân bãi, cơ sở vật chất đẩy mạnh hướng dẫn nội dung cờ vua, bóng ném, Erobich,... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh.

Tích hợp giáo dục nội dung giáo dục Quốc phòng vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mua sắm bổ sung thiết bị giáo dục Quốc phòng theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, tiết kiệm năng lượng, giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em; chăm sóc răng miệng, tẩy giun, phòng chống bệnh dịch theo mùa và dịch cúm A(H₅N₁ và H₁N₁) ở gia cầm, bệnh tay chân miệng, viêm đường hô hấp cấp..

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền giáo dục về phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, xâm hại trẻ em; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu, giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em. Thực hiện các giải pháp phòng chống dịch bệnh theo mùa, bệnh tay chân miệng, tẩy giun trong các cơ sở giáo dục TH theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các văn bản chỉ đạo của các cấp.

Thực hiện theo dõi sức khỏe học sinh theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã và sở GD&ĐT về hoạt động của nhà trường.
- Chỉ đạo Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và điều hành chung mọi công việc.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.
- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.
- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các HĐGD.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

- Duyệt kế hoạch giáo dục của các khối lớp

2. Phó hiệu trưởng

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm; kế hoạch dạy học tự chọn, xây dựng TKB 2 buổi/ngày

- Xây dựng kế hoạch dạy học bù trong những ngày nghỉ lễ nghỉ tết hoặc nghỉ tổ chức các hoạt động trải nghiệm chung

- Xây dựng kế hoạch hoạt động đối với học sinh bán trú

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

- Duyệt các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học, kế hoạch giao lưu Tiếng Việt, các cuộc thi, giao lưu của Học sinh....

- Quản lý việc duy trì số lượng, nâng cao chất lượng hs, chất lượng đội ngũ

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Nghiên cứu chương trình môn học, hoạt động giáo dục nghiên cứu sách giáo khoa sử dụng tại nhà trường, các sách giáo khoa khác thực hiện môn học, hoạt động giáo dục có trong danh mục được Bộ GDĐT phê duyệt để chọn các nội dung phù hợp, thực hiện tích hợp, bổ sung, xây dựng chủ đề dạy học đưa vào kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục;

- Nghiên cứu điều kiện tổ chức dạy học môn học, hoạt động giáo dục gồm: đội ngũ giáo viên, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, nội dung giáo dục địa phương, ... chủ đề hoạt động giáo dục tập thể, nội dung thực hiện tích hợp liên môn và các điều kiện đảm bảo khác có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục môn học, hoạt động giáo dục trong năm học tại theo khối lớp phụ trách.

- Tổ trưởng chuyên môn giao nhiệm vụ cho giáo viên trong tổ xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục

- Xây dựng kế hoạch giáo dục môn học.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn

- Lập kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ của tổ

- Tăng cường công tác nâng cao chất lượng học sinh

- Phê duyệt kế hoạch dạy học tuần của giáo viên trong tổ

4. Tổng phụ trách đội

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể.....

- Tổ chức tất cả các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, các cuộc thi, giao lưu Tiếng Việt tổ chức tại nhà trường.

- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

5. Đối với giáo viên

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

-Lập kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục môn học, lớp học được phân công phụ trách đảm bảo mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa; đặc điểm của lớp, của nhà trường, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Kết hợp với tổ chuyên môn, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường sinh hoạt dưới cờ, hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục.

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

6. Đối với nhân viên

***Nhân viên thư viện**

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hđ liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học. Tổ chức Ngày hội đọc sách.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công.

*** Nhân viên Y tế**

Đảm bảo các loại hồ sơ theo thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, ngày 12/5/2016.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

Xây dựng quy chế phối hợp với y tế xã để chăm sóc sức khỏe cho học sinh(khám nha khoa, phòng chống dịch bệnh, uốn thuốc tẩy giun..)

Kiểm tra chế độ dinh dưỡng của học sinh bán trú, lưu mẫu thức ăn theo quy định

Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công.

*** Nhân viên kế toán**

Xây dựng kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng;

Quyết toán tài chính đúng quy định, thời gian;

Quản lý lao động, tiền lương của người lao động trong đơn vị, giải quyết đảm bảo các chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định;

Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định;

Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công.

*** Nhân viên bảo vệ**

Thực hiện công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của giáo viên, học sinh;

Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường của Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn năm học 2025-2026.

Nơi nhận

- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Ngân

KẾ HOẠCH THỜI GIAN NĂM HỌC 2025- 2026

Tháng	Nội dung công việc chính	Bổ sung
Tháng 8	- Bồi dưỡng chuyên môn, Bồi dưỡng chính trị cho CBQL, GV. - Tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường chuẩn bị cho năm học mới. - Chuẩn bị cho công tác khai giảng năm học mới. - Triển khai các văn bản chỉ đạo hướng dẫn thực hiện năm học mới. - Xây dựng và hoàn thiện KHGD nhà trường, kế hoạch giáo dục các tổ khối. - Duyệt các loại kế hoạch chuyên môn, tổ khối, GVCN, các đoàn thể,... - Khối lớp 1 học TC tiếng Việt trước khi vào lớp 1 (Từ ngày 11/8/2025) - Khối 2,3,4,5, tựu trường ngày 29/8/2025. - Tuyển sinh học sinh, báo cáo UBND xã	
Tháng 9	- Tổ chức khai giảng năm học mới ngày 5/9; - Thời gian bắt đầu học kỳ I từ ngày 08/9/2025 - Hoàn thiện hồ sơ sổ sách của trường, tổ và giáo viên - Khảo sát, phân loại năng lực học tập của HS đầu năm; Bàn giao sổ- chất lượng học sinh. - Nhập số liệu học sinh vào phần mềm phổ cập, CMC; khớp dữ liệu với phần mềm phổ cập THCS. - Tham gia luyện thi Tiếng Anh IOE qua mạng cấp trường. - Kiểm tra các hoạt động đầu năm học - Kiện toàn ban kiểm tra nội bộ trường học. Xây dựng KHKTNB; Thông báo kế hoạch kiểm tra. - Thực hiện tốt các hoạt động khác.	
Tháng 10	- Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM cụm, trường hiệu quả. - UBND huyện công nhận xã duy trì chuẩn phổ cập GDTH cấp xã mức độ 3, XMC MĐ2; - Xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp trường. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Tham gia sinh hoạt CM cấp cụm - Thực hiện tốt các hoạt động khác	
Tháng 11	- Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 - Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM đạt hiệu quả cao - Tổ chức kiểm tra định kì giữa học kì 1 môn Toán, Tiếng Việt lớp 4,5 - Tham gia luyện thi Tiếng Anh IOE qua mạng cấp trường. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Thực hiện tốt các hoạt động khác	
Tháng 12	- Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM cụm, trường đạt hiệu quả cao - Tăng cường ôn tập bổ sung kiến thức cho học sinh . - Tham gia hội thi đồ dùng đồ chơi cấp huyện - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch	

	- Thực hiện tốt các hoạt động khác	
Tháng 1	- Kiểm tra cuối học kỳ I; kết thúc HKI ngày 18/01/2026. Tái giảng học kỳ 19/01/2026 - Thống kê, báo cáo sơ kết học kỳ I - Kiểm tra hoạt động dạy và học đầu học kỳ II ở một số điểm trường. - Tham gia thi Tiếng Anh IOE qua mạng cấp huyện - Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM đạt hiệu quả cao - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch	
Tháng 2	- Duy trì và ổn định các hoạt động, nề nếp trước, sau tết. - Kiểm tra các hoạt động sau tết - Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM cụm, trường đạt hiệu quả cao - Lập danh sách GV tham gia hội thi GV dạy giỏi cấp huyện - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Thực hiện tốt các hoạt động khác.	
Tháng 3	- Tổ chức các hoạt động ngày 8/3 - Thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn - Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM đạt hiệu quả cao - Tham gia thi Tiếng Anh qua mạng IOE cấp tỉnh - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Thực hiện tốt các hoạt động khác.	
Tháng 4	- Hướng dẫn tổng kết cuối năm. - Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM đạt hiệu quả cao - Tham gia thi giao lưu Toán, Tiếng việt cấp huyện. - Tham gia thi Tiếng Anh qua mạng IOE cấp tỉnh. - Kiểm tra nội bộ kiểm tra theo kế hoạch	
Tháng 5	- Tổ chức ôn tập, kiểm tra cuối năm học - Kiểm tra cuối học kỳ II và bàn giao chất lượng cuối năm. Kết thúc học kỳ II ngày 24/5/2026 - Tổng hợp thống kê, báo cáo cuối năm. - Phê duyệt hồ sơ học sinh cuối năm. - Tổng kết năm học, kết thúc năm học 31/5/2026. - Hoàn thiện xét thi đua. Nộp hồ sơ thi đua. - Tham gia thi Sáng tạo TTTN .	

